

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần BK-ETECH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 0402034873 ngày 24 tháng 10 năm 2025. Cơ quan cấp: sở Tài Chính Thành phố Đà Nẵng (Đăng ký thay đổi lần 3)
- Địa chỉ: 24 Hòa Minh 19, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0969465353
- Email: bketechn.jsc@gmail.com / bketechn.jsc@bketechn.vn
- Web: bketechn.vn / bketechn.com / bketechn.com.vn
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm, kiểm định và quan trắc công trình xây dựng.
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: 24 Hòa Minh 19, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có):
 - + Phường Lý Văn Lâm, Cà Mau
 - + Cầu Cái Bèo, ấp Mỹ Phước 1, Mỹ Quý, Tháp Mười, Đồng Tháp
 - + Thôn Xuân Tân Xã Núi Thành TP Đà Nẵng
 - + 292 Tổ 11 Ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Hanh, tỉnh An Giang
 - + Ấp Long Bình, Xã Thạnh Mỹ Tân, tỉnh An giang
 - + D5/48 Đường Kênh A, Ấp 4, Xã Bình Lợi, Thành Phố Hồ Chí Minh
 - + Nhà số 46, Xã Cờ Đỏ, TP Cần Thơ

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|---|---|--|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| THÍ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY NDT (Non-Destructive Testing) | | | | |
| 1 | Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông | TCVN 9335:12; | - Máy siêu âm kết hợp bật nảy U200 - Máy siêu âm U910 | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 2 | Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp siêu âm, Xác định khuyết tật bê tông (chiều rộng và chiều sâu vết nứt ...) | TCVN 13537:2022 | - Máy siêu âm kết hợp bật nảy U200 - Máy siêu âm U910 - Máy đo chiều sâu và độ mở rộng vết nứt SYF71 | Nguyễn Vinh; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 3 | Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp siêu âm, Xác định cường độ chịu nén | TCVN 13536:2022 | - Máy siêu âm kết hợp bật nảy U200 - Máy siêu âm U910 - Máy đo chiều sâu và độ mở rộng vết nứt SYF71 | Nguyễn Vinh; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 4 | Phương pháp xác định độ đồng nhất và cường độ nén của bê tông nặng trong kết cấu bằng súng bật nảy. | TCVN 9334:2012; ASTM C805M | - Máy siêu âm kết hợp bật nảy U200 - Súng bật nảy HT225A | Nguyễn Vinh; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |



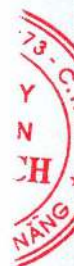
| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|--------------------------------------|--|--|--|--|
| 5 | Phương pháp không phá hủy kiểm tra chiều dày lớp phủ mản sơn | TCVN 9406:12 | - Máy đo chiều dày lớp phủ TC-100 | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 6 | Phương pháp không phá hủy kiểm tra chiều dày lớp phủ mạ kẽm | TCVN 5408:2007 | - Máy đo chiều dày lớp phủ TC-100 | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 7 | Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm | TCVN 9396:2012; ASTM D 6760-02 | - 01 bộ thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi model All-In One - MCHA kit của Hãng SolGeo (Italia) | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| THÍ NGHIỆM ĐO ĐẶC HIỆN TRƯỜNG | | | | |
| 8 | Thí nghiệm đo chuyển vị ngang theo chiều sâu - Inclinator | 22TCN 262-2000; TSCS41-22; AASHTO T 254; ASTM D6230 | - Máy quan trắc chuyển vị ngang sâu - Inclinator SI-200; - Ống dẫn hướng đo nghiêng và phụ kiện ống nối, bịt đầu; bịt đáy | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Võ Duy Hùng; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt; Phan Nhật |

20346

ĐÔNG T
PH
ETEC

HỒ ĐÀ

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|--|---|
| | | | | Nam |
| 9 | Thí nghiệm đo nghiêng công trình, đo chuyển vị ngang | TCVN 9400: 2024; TCVN 9398: 2012; TCVN 9399: 2012; | - Máy toàn đạc điện tử LEICA TS02; - Máy quan trắc nghiêng bằng đĩa đo nghiêng Tiltmeter Diangle 2D | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Võ Duy Hùng; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt; Phan Nhật Nam |
| 10 | Thí nghiệm đo độ lún công trình | TCVN 9360: 2024; TCVN 9398: 2012 | - Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; - Máy thủy bình TCL AT32&Mia | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Võ Duy Hùng; Nguyễn Thanh Nhật; Huỳnh Duy Tân; Đỗ Thành Công; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt; Phan Nhật Nam |
| 11 | Đánh giá độ bền chịu uốn các bộ phận kết cấu BTCT trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh | TCVN 9344:12 | - Kích thủy lực, khối tải; - Cảm biến đo võng, Đồng hồ số; - Máy toàn đạc điện tử LEICA TS02; Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; - Máy thủy bình TCL AT32&Mia; - Máy đo SJ-1200; Diangle VW; - Cảm biến SJ-2000; GV-2405. | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |



| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|---|---|
| 12 | Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt | TCVN 9347:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thủy lực, khối tải; - Cảm biến đo võng, đồng hồ số; - Máy toàn đạc điện tử LEICA TS02; Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; - Máy thủy bình TCL AT32&Mia; Máy đo SJ-1200; Diangle VW; - Cảm biến SJ-2000; GV-2405. | <p>Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt</p> |
| 13 | Thí nghiệm xác định sức kháng nhỏ móng sâu | ASTM D3689-07 (2013), | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thủy lực, Đồng hồ số; - Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; Máy thủy bình TCL AT32&Mia | <p>Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt</p> |
| 14 | Thí nghiệm móng sâu chịu tải trọng ngang | ASTM D3966-07 (2013) | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thủy lực, Đồng hồ số; - Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; Máy thủy bình TCL AT32&Mia | <p>Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt</p> |
| 15 | Thử tải giàn giáo | TCVN 6052: 1995; TCXDVN 296:2004 | <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ số; - Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; Máy thủy bình TCL AT32&Mia; - Máy đo SJ-1200; Diangle VW; - Cảm biến SJ-2000; GV-2405. | <p>Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt</p> |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|--|--|
| | | | | Nhật |
| 16 | Thử tĩnh xác định sức kháng cắt khung sàn, mái kết cấu xây dựng | ASTM E455 | Đồng hồ số; Máy toàn đạc điện tử LEICA TS02; Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; Máy thủy bình TCL AT32&Mia; Máy đo SJ-1200; Diangle VW; Cảm biến đo biến dạng SJ-2000; GV-2405. | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhật Nhật |
| 17 | Thí nghiệm đo và xác định áp lực nước lỗ rỗng, mực nước trong giếng khoan | TCVN 8869: 2011; ASTM D4750 | - Máy đo SJ-1200; Diangle VW; - Cảm biến đo áp lực lỗ rỗng kiểu dây rung SJ4000; - Máy đo mực nước ngầm YAMAYO RWL50M. | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhật Nhật |
| 18 | Thí nghiệm xác định cường độ neo đất | TCVN 8870:2011, ASTM A981 | Máy đo SJ-1200; Diangle VW; cảm biến đo biến dạng SJ-2000; GV-2405; Con đội thủy lực 1 chiều của hãng Osaka Nhật - 10 Tấn/30 Tấn; Cảm biến tải trọng BL-10TB 100kN Hãng Kyowa - Nhật; Cảm biến chuyển vị LVDT Model : DTH-A50 50mm Kyowa - Nhật; Bộ chuyển đổi dữ liệu - Strain measuring unit, Mã sản phẩm:EDX-11A, Hãng sản xuất: Kyowa - Nhật | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhật Nhật |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|--|--|--|--|
| 19 | Thí nghiệm sức chịu tải móng sâu bằng tải trọng nén dọc trục | TCVN 9393: 2012; ASTM D1143 | Kích thủy lực Osaka Nhật: 10 -50 Tấn, Đồng hồ số, Máy thủy bình LEICA DNA03 & mia Invar; Máy thủy bình TCL AT32&Mia | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đỏ; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 20 | Thí nghiệm kéo nhỏ bu lông neo | TCVN 9490 : 2012; ASTM C900 - 06 | Kích thử lực 60 tấn thông tâm (600kN); Khả năng kích tải Max: 60 tấn; Hành trình kích: 100mm Đường kính rỗng tâm: 55mm Bơm thủy lực bằng tay dung tích dầu 0,7 lít; Đồng hồ chỉ thị áp Dây dẫn thủy lực Bộ bát côn D8-D10 (Nêm D6; D8; D10); Bộ bát côn D12-D16 (Nêm D12; D14; D16); Bộ bát côn D18-D32 (Nêm D18; D20; D22; D25; D28; D32); Bộ bát côn D36-D40 (Nêm D36; D40) | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đỏ; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 21 | Thí nghiệm đo ứng suất biến dạng kết cấu công trình | TCVN 9490 : 2012; ASTM C900 - 07 | Máy đo SJ-1200; Diangle VW; cảm biến đo biến dạng SJ-2000; GV-2405; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đỏ; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 22 | Thí nghiệm đo dao động kết cấu công trình | TCVN 9490 : 2012; ASTM C900 - 08 | Cảm biến đo dao động SENSR, Model GP1L, xuất xứ USA | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|--|--|---|--|
| | | | | Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 23 | Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT | TCVN 9351:2022 | Thiết bị khoan tạo lỗ (máy khoan XY-1A); Đầu xuyên tiêu chuẩn; Bộ búa đóng tiêu chuẩn; Các dụng cụ phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 24 | Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT) | TCVN 10124:2021 | Thiết bị cắt cánh hiện trường; Thiết bị khoan tạo lỗ (máy khoan XY-1A); Tay quay, đồng hồ đo; Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 25 | Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước rỗng (CPTu) | TCVN 9846:2013 | Bộ máy thí nghiệm xuyên tĩnh CPTu hãng ENVI - Thụy Điển | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 26 | Thử nghiệm đo độ cứng cầm tay và cường độ của kim loại bằng Phương pháp trở kháng tiếp | ASTM A1038-19 | Máy đo độ cứng và cường độ kim loại (YIN V1) | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|---|---|--|---|---|
| | xúc siêu âm | | | Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt |
| 27 | Thử nghiệm đo chiều dày kim loại bằng phương pháp siêu âm | ASTM E797/E797M-21 | Máy đo chiều dày kim loại bằng Phương pháp siêu âm (UM6500) | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt |
| THỬ NGHIỆM ĐẤT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH | | | | |
| 28 | Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất | TCVN 4195:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Bình tỷ trọng có dung tích khoảng 50ml kèm theo có nút đậy; - Rây có đường kính kích thước lỗ rây 4,75 mm (rây số 4); - Máy bơm chân không, được sử dụng để tạo lực hút trong bình tỷ trọng; - Bể ổn nhiệt (27,0 ± 0,2oC); - Tủ sấy, có khả năng duy trì nhiệt độ từ 105 đến 110oC; - Cân điện tử có độ nhạy chính xác đến 0,01 gam; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt |
| 29 | Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất | TCVN 4196:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ đến 300°C; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g; - Cốc nhỏ bằng thủy tinh hoặc hộp nhôm có nắp, thể tích lớn hơn hay bằng 30 cm³; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|---|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Rây có đường kính lỗ 1 mm; - Cốc sứ và chày sứ có đầu bọc cao su; - Khay men để phơi đất; - Các thiết bị phụ trợ khác. | Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 30 | Xác định khối lượng thể tích tự nhiên của đất | TCVN 4202:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Cân có độ chính xác tới 0,01 gam; - Thiết bị cân trong nước; - Sáp parafin (có mật độ đã biết, $\rho = 0,9 \text{ g/cm}^3$); - Chảo nấu chày sáp để bọc xung quanh mẫu thí nghiệm; - Thước thẳng bằng thép; - Dao vòng bằng thép; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 31 | Xác định thành phần hạt của đất | TCVN 4198: 2014 | <ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật, có độ chính xác đến 0,01g; - Bộ rây tiêu chuẩn có ngăn đáy; - Cối sứ và chày bọc cao su; tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; - Bình hút ẩm có canxi clorua; bát đựng đất; quả lê bằng cao su (để dồn rửa hạt đất, hút nước); - Tỷ trọng kế loại 151H, dung dịch $\text{Na}_4\text{P}_2\text{O}_7$; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 32 | Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo của đất | TCVN 4197:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Tấm kính nhám, mờ; - Hộp nhôm; cân kỹ thuật; tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; - Thiết bị quay đập Casagrande; chùy xuyên. - Quả cầu bằng thép; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|--|--|
| | | | | Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 33 | Xác định tính nén lún và cố kết của đất | TCVN 4200:2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén tam liên; - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ; - Đồng hồ đo biến dạng; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0.01mm; - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng; - Dao gạt đất, thiết bị đo biến dạng; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 34 | Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng của đất | TCVN 4199:1995 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy cắt đất tam liên; - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ; - Đồng hồ đo biến dạng; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0.01mm; - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng; - Dao gạt đất, thiết bị đo biến dạng; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 35 | Xác định sức chống cắt không cố kết-không thoát nước và cố kết thoát nước của đất trên thiết bị 3 trục (UU, CU, CD) của đất | TCVN 8868:2011 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 3 trục 10kN, BT-10; - Buồng mẫu ba trục; vòng đo lực; bình nước; đồng hồ đo... - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ; - Đồng hồ đo biến dạng; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0.01mm; - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng; - Dao gạt đất, thiết bị đo biến dạng; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Còn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |

73 - C
TY
AN
CH
DÂN

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|--|--|---|--|
| | | | - Các thiết bị phụ trợ khác; | |
| 36 | Xác định độ bền kháng nén một trục nở hông của đất | TCVN 9438:2012 | - Máy nén có tốc độ đo biến dạng dọc trục của máy; - Đồng hồ đo biến dạng; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 37 | Xác định hệ số thấm của đất trong phòng | TCVN 8723:2012 | -Thiết bị thí nghiệm thấm; - Dao vòng; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 38 | Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời | TCVN 8724:2012 | -Thiết bị xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời | Nguyễn Vinh; Lê Hữu Vị; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Túng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |

| TT | Tên chỉ tiêu thí nghiệm | Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm | Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm |
|----|---|--|--|--|
| 39 | Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc. | TCVN 7572-5:2026 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén bê tông TYA; - Máy khoan lõi đá; - Máy cưa cắt mẫu; - Bể ngâm mẫu; - Cân kỹ thuật; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Tùng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |
| 40 | Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc | TCVN 7572-5:2026 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén bê tông TYA; - Máy khoan lõi đá; - Máy cưa cắt mẫu; - Bể ngâm mẫu; - Các thiết bị phụ trợ khác; | Nguyễn Vinh; Huỳnh Duy Tân; Lê Đức Phi; Đỗ Thành Công; Nguyễn Tấn Thuận, Phạm Thế Anh; Huỳnh Côn Tùng; Võ Duy Hùng; Trần Duy Hậu; Đặng Văn Đò; Nguyễn Lê Nhựt Nhựt |

CÔNG TY CỔ PHẦN BK-ETECH chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cty
- Lưu CB.

CÔNG TY CỔ PHẦN BK-ETECH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Vinh